

Số: 3043/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 26 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản,
tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của đồ án và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Nam Định về việc thông qua Quy hoạch vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định phê duyệt số 1624/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 145a/TTr-UBND ngày 06/11/2017 của UBND huyện Vụ Bản, Tờ trình số 102/TTr-SXD ngày 21/12/2017 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn quy hoạch:

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch gồm toàn địa giới hành chính huyện Vụ Bản, bao gồm 18 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Gôi và 17 xã, giới hạn bởi:

- + Phía Bắc giáp huyện Mỹ Lộc và tỉnh Hà Nam;
- + Phía Đông giáp thành phố Nam Định;
- + Phía Tây giáp huyện Ý Yên;
- + Phía Nam giáp huyện Nam Trực.

1.2. Quy mô diện tích:

Gồm toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Vụ Bản: 152,81 km²

1.3. Thời hạn quy hoạch:

Ngắn hạn đến năm 2020; dài hạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

2. Tính chất vùng huyện:

- Là một trong những trung tâm văn hóa, xã hội - kinh tế thuộc tỉnh Nam Định;
- Là vùng phát triển đa ngành, lấy dịch vụ, thương mại và công nghiệp làm hướng phát triển ưu tiên;
- Là đầu mối giao thông quan trọng tại cửa ngõ phía Tây của thành phố Nam Định, kết nối thành phố Nam Định với thành phố Ninh Bình và các khu vực khác.

3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng:

3.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân bình hàng năm thời kỳ 2016 - 2020 là 14,5%/năm và thời kỳ 2021 - 2030 là 13,3%/năm. Giá trị sản xuất bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 380 triệu đồng.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế GTSX (giá hiện hành):
 - + Đến năm 2020, cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ tương ứng là 20,7% - 53,6% - 25,7%;
 - + Đến năm 2030, cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ tương ứng là 18% - 53% - 29%;
 - + Đến năm 2050, cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ tương ứng là 10% - 50% - 40%;

3.2. Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2016-2020 là 1%/năm (tỷ lệ tăng tự nhiên).

- Tốc độ tăng dân số trung bình toàn huyện giai đoạn 2021-2030 là 1,1%/năm (bao gồm cả tăng tự nhiên và tăng cơ học).

- Dân số hiện trạng (2016): 130.954 người. Dân số năm 2020 là 136.270 người, năm 2030 là 130.580 người (*Dân số giảm do ba xã: Đại An, Tân Thành và Thành Lợi sát nhập vào thành phố*).

- Lao động: Dự kiến nguồn lao động chiếm 60% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 60%.

3.3. Dự báo sử dụng đất:

3.3.1. Quan điểm chung:

- Dành quỹ đất hợp lý để phát triển cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống, phát triển các đô thị, các thị trấn. Đặc biệt là quỹ đất cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững lâu dài, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

- Phân bổ, sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng lúa phù hợp theo từng giai đoạn phát triển đảm bảo an ninh lương thực. Khai thác sử dụng đất phải đặc biệt coi trọng mục tiêu phòng thủ, an ninh quốc gia, ưu tiên những địa thế tự nhiên thuận lợi kết hợp kinh tế với quốc phòng.

- Khai thác sử dụng đất phải đi đôi bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường ổn định và bền vững.

3.3.2. Dự báo quy hoạch sử dụng đất:

Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích tự nhiên	15.281	100
Đất nông nghiệp	10.125	66,3
Đất phi nông nghiệp	5.106	31,4
Đất chưa sử dụng	50	0,3

- Năm 2020:

+ Đất đô thị, nông thôn toàn huyện khoảng: 4.411 ha.

+ Đất đô thị khoảng 951 ha, bình quân 580 m²/người (bao gồm: TT Gò, đô thị Trung Thành). Đất dân dụng khoảng 140 ha, chỉ tiêu khoảng 85m²/người.

+ Đất nông thôn khoảng 3.460 ha.

- Năm 2030:

+ Đất đô thị, nông thôn toàn Huyện khoảng: 3.471 ha.

+ Đất đô thị khoảng 951 ha, bình quân 365 m²/người (bao gồm: TT Gò, đô thị Trung Thành). Đất dân dụng khoảng 235 ha, chỉ tiêu khoảng 90m²/người.

+ Đất nông thôn khoảng 2.520 ha.

(Tổng diện tích đất đô thị, nông thôn đến năm 2030 giảm đi do ba xã: Đại An, Thành Lợi, Tân Thành sát nhập vào thành phố)

3.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đảm bảo đáp ứng các quy định theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

4. Định hướng phát triển tổng thể không gian vùng:

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình phát triển đa cực. Trong đó lấy các đô thị trung tâm và vùng phát triển kinh tế làm hạt nhân phát triển không gian vùng từ đó lan toả ra các khu vực xung quanh.

Đối với vùng huyện Vụ Bản phân làm 3 tiểu vùng phát triển không gian:

+ Không gian vùng phía Bắc của huyện: Lấy đô thị mới Hiền Khánh làm hạt nhân phát triển, lan toả ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục TL486B và các trục huyện lộ). Đây là vùng phát triển về nông nghiệp hàng hoá (gắn với chế biến nông sản) kết hợp sản xuất CN-TTCN (hình thành CCN Hiền Khánh).

+ Không gian vùng miền trung của huyện: Lấy đô thị mới Trung Thành làm hạt nhân phát triển, lan toả ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục QL38B, TL486B, TL485B và các trục huyện lộ). Đây là vùng phát triển dịch vụ thương mại kết hợp với nông nghiệp hàng hoá. Tại đây có khu vực chợ Viềng xuân, khu sinh thái Núi Ngăm vùng nông nghiệp công nghệ cao xã Thành Lợi, nông nghiệp sinh thái tại Kim Thái (chủ yếu là rau màu); có CCN Quang Trung, Trung Thành, định hướng hình thành CCN Tân Hoà và hệ thống giao thông thuận lợi (QL38B, TL486B) là thế mạnh để phát triển không gian vùng.

+ Không gian vùng phía Nam của huyện: Lấy TT. Huyện lỵ Gôi làm hạt nhân phát triển, lan toả ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục QL10, QL37B và các trục huyện lộ). Đây là vùng phát triển về CN-TTCN kết hợp với dịch vụ thương mại và nông nghiệp hàng hoá, trong đó thế mạnh là CN-TTCN và dịch vụ thương mại (đặc biệt là tại khu vực TT. Gôi). Tại đây có KCN Bảo Minh, khu di tích Phủ Dầy, vùng nông nghiệp công nghệ cao Liên Minh + Gôi và hệ thống giao thông gồm QL10, QL37B, đường sắt Thống Nhất ... là lợi thế để phát triển không gian vùng.

Ba tiểu vùng trên kết nối với nhau bởi các trục quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ.

5. Định hướng phát triển các đô thị và điểm dân cư nông thôn:

5.1. Định hướng phát triển các đô thị:

- Dự báo tỷ lệ đô thị hoá trên địa bàn huyện đến năm 2030 đạt 20%.

- Giai đoạn đến năm 2020: có 2 đô thị loại V (TT. GòI, đô thị Trung Thành).

- Giai đoạn 2021-2030: có 2 đô thị loại V (TT. GòI, đô thị Trung Thành). Ba xã Đại An, Thành Lợi, Tân Thành sẽ sát nhập vào thành phố Nam Định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Nâng cấp xã Hiền Khánh lên đô thị loại V.

5.2. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn:

Thu hẹp dần độ chênh lệch mọi mặt giữa các vùng đô thị và nông thôn. Đến hết năm 2017, 100% xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2018 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Giai đoạn tiếp theo tiếp tục xây dựng nông thôn mới phát triển bền vững.

- Tiếp tục xây dựng nông thôn mới bền vững, nâng cao chất lượng 19 tiêu chí xã và 9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp.

- Phát triển mới các khu dân cư tập trung tại các xã theo quy hoạch xây dựng NTM. Trong đó ưu tiên xây dựng khu dân cư tập trung tại xã Thành Lợi.

6. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

6.1. Định hướng phát triển các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất:

Các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất bao gồm các chức năng: sản xuất công nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); về thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng, bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường) và dịch vụ thiết yếu cho cuộc sống (giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao).

Trên địa bàn huyện, xây dựng 2 trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất tại TT. GòI, Hiền Khánh.

6.2. Định hướng phát triển nông - lâm - thủy sản:

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá với tỷ trọng cao các sản phẩm chất lượng cao thông qua tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM. Đến năm 2030 đảm bảo ngành nông nghiệp của huyện phát triển bền vững trên cả 3 khía cạnh: kinh tế - xã hội - môi trường, quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng CNH - HĐH, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng đất đai, lao động; đa dạng hoá sinh kế, đảm bảo an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng; tăng nhanh khối lượng, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông sản, thực phẩm hàng hoá.

6.3. Phân bố không gian phát triển công nghiệp:

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp toàn huyện, đặc biệt là tại KCN Bảo Minh và các CCN trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề huyện có lợi thế: dệt may, cơ khí, chế biến gỗ, mây tre đan, sản xuất vật liệu xây dựng. Cùng cố và phát triển các làng nghề hiện có.

* *Khu công nghiệp*: Trên địa bàn huyện có khu công nghiệp Bảo Minh đã hình thành và đi vào sản xuất. Trong giai đoạn quy hoạch, tiếp tục lấp đầy mặt bằng, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào sản xuất tại KCN Bảo Minh.

* *Cụm công nghiệp*: Cập nhật theo điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2017. Cụ thể, toàn huyện Vụ Bản có 6 CCN bao gồm: CCN Trung Thành, CCN Quang Trung, CCN Hiền Khánh, CCN Thanh Côi, CCN Vĩnh Hào, CCN Tân Hoà, tổng diện tích 181,7 ha.

6.4. Thương mại, dịch vụ:

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ thương mại toàn huyện. Riêng vùng kiểm soát quản lý phát triển phía Nam (tính từ xã Trung Thành trở xuống) đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ gắn với du lịch khu di tích Phủ Dầy, chợ Viềng xuân, khu du lịch sinh thái Núi Ngăm và sân tập Golf núi Gôi.

- Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu,... phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại rộng khắp theo hướng mở rộng quan hệ, gắn với thị trường trong và ngoài nước.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành du lịch, dịch vụ và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành dịch vụ.

7. Định hướng hệ thống các lĩnh vực, công trình hạ tầng xã hội:

7.1. Hệ thống công trình giáo dục đào tạo:

Đến năm 2018, 100% các cơ sở giáo dục có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia

7.2. Hệ thống công trình y tế, bảo vệ sức khỏe:

- Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia, các chương trình, mục tiêu của tỉnh;

- Xã hội hoá công tác y tế: Huy động sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Đến năm 2018: Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 85%.

+ Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Vụ Bản lên bệnh viện hạng II; nâng cấp, mở rộng công trình y tế TT. Gôi, trạm y tế xã Tân Thành, Quang Trung, Minh Tân.

+ Xây mới trạm y tế Hiền Khánh, Thành Lợi. Xây dựng trung tâm điều dưỡng người có công tại xã Kim Thái.

7.3. Văn hóa - Thể thao:

- Đến hết năm 2017, 100% xã, thị trấn có khu văn hoá - thể thao đạt chuẩn NTM; 100% khu dân cư xây dựng Nhà văn hoá - khu thể thao.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Định hướng phát triển giao thông:

8.1.1. Giao thông đường bộ:

- Quốc lộ:

+ QL10, QL38B quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

+ Quốc lộ 21 giai đoạn 2021-2030, mở rộng đường Lê Đức Thọ đạt tiêu chuẩn đường phố chính đô thị chủ yếu, mặt cắt ngang gồm 6 làn xe cơ giới, tổng bề rộng Bnền = 67m

- Tỉnh lộ:

+ TL486B quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

+ Quy hoạch xây dựng mới TL485B đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Huyện lộ: 6 tuyến Huyện lộ hiện có (Huyện lộ Chợ Lờ - Đại Thắng, huyện lộ Cầu Mái - bờ sông Hùng Vương, huyện lộ Cầu Họ - Hạnh Lâm, huyện lộ B16-B17, huyện lộ Trình Xuyên - bến Kĩa, huyện lộ Khả Chính - Bồi Xuyên) quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

8.1.2. Giao thông đường thủy:

- Đối với tuyến sông do Trung ương quản lý: Chính trị, nao vét luồng tuyến sông Đào đến năm 2020 đạt tiêu chuẩn đường thủy nội địa cấp I cho tàu có tải trọng 1.000 tấn ra vào, sau năm 2020 cho phép tàu có tải trọng >1.000 tấn ra vào.

- Đối với các tuyến sông do địa phương quản lý:

+ Duy trì cấp sông hiện tại đối với luồng tuyến sông Sát (cấp V), cho phép tàu cỡ 50 tấn qua lại.

+ Sông Chanh: Đến năm 2020, duy trì cấp sông hiện tại (cấp V), đáp ứng cỡ tàu 50 tấn ra vào; sau năm 2020 nâng cấp, cải tạo sông lên cấp IV, cho các phương tiện chở hàng có trọng tải > 50 tấn đi lại.

- Cảng xăng dầu hiện hữu tại vị trí Km7+380 – Km7+505 (bờ phải) sông Đào thuộc xã Tân Thành đề xuất nâng cấp, cải tạo cho tàu chở dầu, đồng thời phục vụ trung chuyển dầu khí. Đến năm 2020 duy trì hoạt động. Đến năm 2030 theo điều chỉnh theo quy hoạch chung xây dựng TP Nam Định đến năm 2025.

8.1.3. Đất giao thông tỉnh:

+ Quy hoạch mới bến xe Gôi quy mô bến loại 4, diện tích 2.500m².

8.1.4. Giao thông đường sắt:

- Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo và nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam qua huyện, nâng cao năng lực vận chuyển hàng hoá và hành khách. Phối hợp xây dựng và hiện đại hoá các ga Gôi, Trinh Xuyên.

- Quy hoạch mới tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam quy mô đường đôi, khổ 1.435 mm, trước mắt khai thác tốc độ chạy tàu từ 160 km/h đến dưới 200 km/h; điện khí hoá, hạ tầng tuyến có thể đáp ứng khai thác tốc độ cao 350 km/h trong tương lai, trong đó có đoạn qua địa phận huyện Vụ Bản.

- Quy hoạch mới tuyến đường sắt Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh quy mô đường đơn cấp 1, khổ 1.435 mm và cầu đường sắt trên sông Đào trong đó có đoạn qua địa phận huyện Vụ Bản.

8.2. Cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Kết hợp hình thức khai thác nước mặt sông Đào và nước ngầm trong việc cung cấp nước trên địa bàn huyện.

+ Điều chỉnh nguồn cấp nước thô của nhà máy nước Vụ Bản sẽ lấy từ sông Đào thuộc địa phận xã Đại Thắng.

Dự báo nhu cầu dùng nước

STT	Năm	Nhu cầu dùng nước (m ³ /ng.đ)		Tổng nhu cầu (m ³ /ng.đ)
		Sinh hoạt, dịch vụ, thất thoát, yêu cầu NM	Công nghiệp	
1	Năm 2020	18.960	9.525	28.485
2	Năm 2030	18.170	16.275	34.445

+ Quy hoạch kết nối trạm cấp nước Hiền Khánh với nhà máy nước Mỹ Hà - huyện Mỹ Lộc đảm bảo lưu lượng cấp nước cho xã Hiền Khánh.

+ Quy hoạch kết nối 02 trạm cấp nước Quang Trung, Trung Thành vào hệ thống nhà máy nước Liên Bảo

+ Nhà máy nước Gôi sẽ bổ sung cấp nước cho 3 xã Minh Tân, Tân Khánh, Minh Thuận.

8.3. Cấp điện:

Dự báo đến năm 2020 nhu cầu công suất điện trên địa bàn huyện là Pmax = 41,1MW, đến năm 2030 Pmax = 83MW.

Trong cơ cấu tiêu thụ điện năng đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030, diện dùng cho quản lý tiêu dùng dân cư và điện cho công nghiệp – xây dựng chiếm tỷ lệ lớn nhất. Nhu cầu điện thương phẩm đến năm 2020 là 244,2 triệu kWh, đến năm 2030 là 519,8 triệu kWh.

8.4. Quy hoạch hệ thống thủy lợi:

Tiếp tục hoàn thành các dự án nâng cấp các tuyến đê sông. Đến năm 2020 toàn bộ hệ thống đê kè của huyện được hoàn thiện nâng cấp, cứng hoá mặt đê.

** Quy hoạch hệ thống các công trình thủy lợi:*

- Đối với kênh tiêu cấp 1: thường xuyên đầu tư nạo vét kênh cấp 1 và lát mái bờ kênh đoạn qua các khu dân cư.
- Thực hiện kiên cố hoá 100% hệ kênh tưới cấp 2.
- Hoàn thiện hệ thống trạm bơm Đế công suất $6 \times 4.000 \text{ m}^3/\text{h}$. Nâng cấp trạm bơm Đông Làng Hạ.
- Xây mới các công đầu mối: công Sa Trung, công lấy nước ông Vy, công ông Tranh.
- Nâng cấp, cải tạo các công trình nội đồng: nâng cấp 41 trạm bơm, 32 công; cải tạo, nâng cấp Xi phông (Xi phông cầu Chuối, Trung Phú, Tiên Hương, B5, N6); kiên cố hoá 100% các đoạn kênh tưới cấp 3 phục vụ diện tích chân vàm cao và hoa màu.

8.5. Quy hoạch thoát nước, quản lý CTR và nghĩa trang:

** Thoát nước*

Hệ thống thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải tại đô thị được xây dựng đồng bộ, đạt yêu cầu quy chuẩn hiện hành và phù hợp với quy hoạch đô thị; Nước thải tại các bệnh viện, khu, cụm công nghiệp, làng nghề phải được xử lý đáp ứng đủ tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

Chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho các khu vực dân cư nông thôn nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng sống khu vực nông thôn.

Dự báo tổng lượng nước thải

STT	Năm	Nhu cầu thoát nước ($\text{m}^3/\text{ng.đ}$)		Tổng nhu cầu ($\text{m}^3/\text{ng.đ}$)
		Sinh hoạt, dịch vụ	Công nghiệp	
1	Năm 2020	18.960	7.620	26.580
2	Năm 2030	18.170	13.020	31.190

** Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn*

Quy hoạch khu xử lý Minh Tân, quy mô 3 ha, xử lý CTR sinh hoạt cho huyện Vụ Bản.

Quy hoạch khu xử lý Thành Lợi, quy mô 3 ha, xử lý CTR sinh hoạt cho huyện Vụ Bản.

Quy hoạch khu xử lý Liên Bảo, quy mô 3 ha, xử lý CTR công nghiệp thông thường, CTR xây dựng cho huyện Vụ Bản.

** Nghĩa trang:* Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn huyện được bố trí theo quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn được phê duyệt.

9. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường:

Thực hiện các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường cụ thể trong từng giải pháp về tổ chức quản lý; bảo vệ môi trường nước ngầm; giải pháp bảo vệ môi trường đất; bảo vệ môi trường nước mặt; giải pháp bảo vệ môi trường không khí và giảm tiếng ồn; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư:

Danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư trong kỳ quy hoạch

STT	TÊN DỰ ÁN
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến huyện lộ Cầu Mái – bờ sông Hùng Vương, Cầu Họ - Hạnh Lâm, B16-B17, Khả Chính – Bối Xuyên, Trinh Xuyên – Bến Kĩa.
2	Xây dựng tuyến TL485B và cầu Kinh Lũng
3	Hoàn thiện hạ tầng KCN Bảo Minh, xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp
4	Đầu tư xây dựng khu bảo tồn và phát huy giá trị khu vực di tích lịch sử văn hoá Phủ Dầy. Xây dựng sân tập Golf Núi Gôi, đầu tư phát triển khu du lịch Núi Ngăm.
5	Xây dựng các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất tại TT. Gôi, Hiền Khánh
6	Xây dựng các vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái
7	Xây dựng khu dân cư tập trung xã Thành Lợi
8	Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện
9	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại Liên Bảo, Thành Lợi, Minh Tân
10	Đầu tư các dự án phục vụ xây dựng nông thôn mới: Kết nối trạm cấp nước Quang Trung, trạm cấp nước Trung Thành vào nhà máy nước Liên Bảo, ...; nâng cấp hệ thống các chợ trên địa huyện; đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi nội đồng; đầu tư, nâng cấp hệ thống y tế tuyến xã; đầu tư xây dựng hệ thống trạm điện trung áp; ...

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản:

- Công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định;

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; tổ chức rà soát việc lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch chung, phân khu, quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

2. Giao các Sở, ban, ngành của tỉnh các đơn vị liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản được duyệt tại Điều 1 theo quy định. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện thuộc lĩnh vực của đơn vị.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vụ Bản và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Vp1, Vp3, Vp5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự